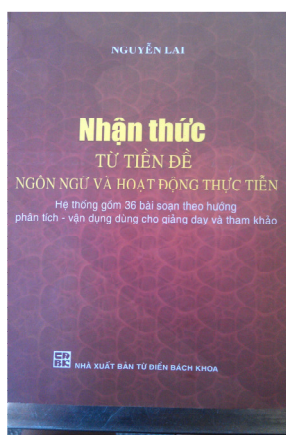


ĐIỂM SÁCH/BOOK REVIEW

Nhận thức từ tiền đề ngôn ngữ và hoạt động thực tiễn

(Tác giả: GS.TSKH. Nguyễn Lai, Nxb.Từ điển Bách khoa, 2012, 466 trang)

Trịnh Sâm



Cuốn sách tập hợp một số bài viết, được sắp xếp thành bốn phần: **Phần I**, tập trung các tiểu luận thiên về lý thuyết, bàn về một số vấn đề bản thể ngôn ngữ, **phần II** đi vào khảo cứu những vấn đề cụ thể như hư từ trong tiếng Việt, xu thế chấp dính trong tiếng Việt, nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt..., **phần III** chuyên khảo về ngôn ngữ văn chương và **phần IV** đi sâu vào phương pháp giảng dạy. Tất nhiên, sự phân chia ở đây chỉ có tính tương đối, mỗi bài là một hệ thống riêng và mỗi phần lại cũng có thể là một hệ thống, thậm chí có thể liên kết một số bài nằm trong các phần khác nhau thành một hệ thống, tùy theo nhu cầu thông tin của bạn đọc.

Vẫn là một phong cách phô diễn rất tài hoa, khó lẫn lộn, công trình đã thật sự tác động tích cực đến suy nghĩ của người đọc một cách mạnh mẽ. Nghiên cứu là gì, nếu không phải là gợi mở, là đặt vấn đề, để cùng nhau quan tâm, bàn luận, giải quyết? Trong ý nghĩa này, quả thật, bằng những trang viết giàu cảm xúc khoa học,

cuốn sách đã truyền được ngọn lửa nghiên cứu đến với bạn đọc.

Trong những nội dung mà cuốn sách đề cập, trước hết, theo chúng tôi, cần đặc biệt chú ý đến vấn đề: tư duy, ngôn ngữ và ngữ nghĩa. Cần thấy, tư duy trong mối quan hệ với ngôn ngữ, một thời gian khá dài, các tạp chí chuyên ngành Châu Âu xếp vào loại “kính nhi viễn chí”, thế nhưng khoảng 50 năm trở lại đây, do nhu cầu phục vụ cho dịch tự động và xây dựng trí tuệ nhân tạo, tư duy, nhận thức và quá trình tạo nghĩa được rất nhiều trường phái chú ý đến. Đọc những bài viết liên quan đến hệ vấn đề vừa nhắc, người đọc rất đỗi ngạc nhiên về những kiến giải khá mới mẻ của tác giả: “... *sự phát triển của bộ óc nói chung bao giờ cũng đi đôi với sự phát triển của giác quan; cũng như sự phát triển của ngôn ngữ nhất thiết phải đi đôi với sự cải tiến tương ứng của giác quan*”. (**Quan điểm của F.Engels...** tr.27) hay: “*Như vậy, khái niệm, quy luật, phạm trù tự bản thân chúng ở đây không phải là ngôn ngữ và cũng không phải là tư duy; mà ở đây là phương thức tư duy bằng ngôn ngữ (trừu tượng hơn ngôn ngữ) được con người dần dần xác định gắn với quá trình ngôn ngữ*”. (**Về mối quan hệ...**tr.78), đặc biệt việc kiến giải *quá trình đồng hóa sự nhận thức thế giới thực hữu vào ngôn ngữ (Sự hình thành cấu trúc...*tr.127), sự phát triển

nghĩa của từ đi theo hướng mở rộng thêm trường nghĩa của nó từ động tác vận động sang hướng vận động (**Vài ghi nhận...**tr.424)... Đây là những vấn đề hết sức cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận, bộ óc gắn liền với giác quan, sự phát triển ngôn ngữ có cơ sở tương tác và điều chỉnh từ giác quan... thuộc về lý thuyết nghiệm thân, lý giải về khả năng nhận thức và hình thức của sự phản ánh cho thấy cách con người ý niệm hóa và phạm trừu hóa... quá trình đồng hóa nhận thức, thực chất là những trải nghiệm có tính tương tác của cộng đồng diễn ngôn..., sự biến đổi nghĩa của từ không thể tách rời việc quy loại các cấp bậc phạm trừ khác nhau. Do nhiều lý do khác nhau, có thể khi giải quyết những vấn đề nêu trên, tác giả không hề được soi sáng từ nhãn quan của tri nhận luận, nhưng nhờ trực giác bản ngữ nhạy bén mạch bảo, khiến cách tiếp cận của ông rất gần gũi với một số khuynh hướng của ngôn ngữ học hiện đại. Đặc điểm này, dễ dàng tìm thấy ở nhiều bài viết trong tập sách. Ngay công trình “Từ chỉ hướng vận động...” công bố từ năm 1985, giờ đây đọc lại, tính thời sự khoa học của vấn đề định vị không gian vẫn còn nguyên vẹn, tất nhiên chưa sáng rõ và hiển ngôn như cách lập thức hiện nay. Đặc biệt, các kết quả nghiên cứu của chính tác giả, nếu được thức nhận, mổ xẻ bằng một công cụ mới, hẳn nhiên sẽ là những bổ khuyết rất độc đáo.

Ngôn ngữ văn chương trên bình diện lý luận cũng như những phân tích cụ thể cũng là vấn đề gây được hứng thú ở người đọc. Công bằng mà nói, từ góc độ văn học cũng như ngôn ngữ học, đã có khá nhiều công trình đề cập đến, tuy nhiên, đường đi của tác giả vẫn tạo nên một dấu ấn rất riêng. Được như vậy là bởi, như một tiêu chí nhất quán, hình tượng nghệ thuật bao giờ cũng được ông xem xét mật thiết với tư duy, và trên nền tảng đó, những cảm xúc được thấu nhận và được lý giải, vừa như một thủ pháp để

khám phá, vừa như một phương tiện để tác giả làm sáng tỏ sự đồng hóa nhận thức thẩm mỹ, cũng như phẩm chất năng động của tư duy hình tượng (**Ngôn ngữ và sự đồng hóa nhận thức..., Phẩm chất năng động của tư duy hình tượng..., Ngôn ngữ và đường dây biểu cảm...**). Do vậy, không lạ khi ông là một trong những nhà Việt ngữ học quan tâm đến ẩn dụ ý niệm khá sớm, bởi như đã ghi nhận bên trên, tư duy trừu tượng hoạt động nhờ vào những đồng xuất hiện trải nghiệm (experiential cooccurrence) và cả tương đồng trải nghiệm (experiential similarity) và về bản chất chúng có tính ẩn dụ. (**Suy nghĩ về ẩn dụ khái niệm...** và các bài khác). Tuy chưa thật rõ, nhưng mối liên hệ quan yếu này có thể tìm thấy trong *lược đồ thao tác tiếp nhận từ mã ngôn ngữ đến mã hình tượng...*(tr.309).

Về việc giảng dạy tiếng, có thể coi **Ngôn ngữ dạy tiếng thế kỷ XXI...** (tr.399 – 03) là những tiền đề lý thuyết, trong bài này, tác giả tổng thuật nhiều ý kiến khác nhau về việc dạy bản ngữ cũng như ngoại ngữ của nhiều khuynh hướng khác nhau, xuất phát từ những không gian tinh thần khác nhau, các bài còn lại trong phần này chuyên bàn về việc giảng dạy những chủ đề cụ thể. Trong đó, việc dạy ngữ pháp tiếng Việt cho người nước ngoài, việc dạy nhóm từ vận động, việc giảng dạy tục ngữ, dạy ẩn dụ tiếng Việt trong so sánh với ẩn dụ tiếng Anh... đều là những trang viết tâm huyết, cung cấp nhiều gợi ý lý thú và bổ ích cho người đọc.

Cuối cùng, sẽ là thiếu sót nếu không đề cập đến sự đóng góp của công trình về kết quả nghiên cứu từ hư trong tiếng Việt. Tại đây, xuất hiện hàng loạt nhận xét tinh tế, không chỉ dừng lại ở bức tranh miêu tả, cao hơn, đã cung cấp những cách giải thích có giá trị thuyết phục, khơi gợi nhiều ý tưởng cần tiếp tục suy ngẫm thêm, như vai trò của từ hư trong hành chức, sự chuyển nghĩa của chúng giữa các phạm trù,

trong đó đáng chú ý là tư tưởng được vận dụng xuyên suốt tập sách *hư hóa là quá trình làm định hình nghĩa mới gắn với yêu cầu đồng hóa nhận thức thực tiễn vào ngôn ngữ*. Thực ra, chúng ta ý niệm hóa hình thức ngôn ngữ dưới dạng thức không gian nên việc có hay không có một yếu tố nào đó, chúng xuất hiện ở vị trí nào, tầm tác động ra sao..., tất cả tạo ra một mối liên kết trực tiếp và tự động giữa hình thức và nội dung ngôn ngữ. Cho nên, đúng như GS. Nguyễn Lai nhận xét, không dễ lược quy sự hư hóa vào chức năng liên hệ cú pháp, và do vậy ngôn ngữ học hiện đại không chấp nhận cái gọi là *câu đồng nghĩa*, bởi chúng được thiết lập bằng những hình thức khác nhau mà hình thức khác nhau thì nội dung cũng phải khác nhau.

Bên trên chưa phải là tất cả những nét đặc sắc của công trình mà chỉ là những cảm nhận

của một người đọc sách, nói đến việc đọc, hiển nhiên sự cộng hưởng là không như nhau, ngay cả đối với sách khoa học.

Không kể tới lĩnh vực sáng tác, đến nay, GS.TSKH. Nguyễn Lai đã công bố gần chục công trình lớn thuộc nhiều địa hạt chuyên môn khác nhau. Những nhận xét có tính chất tổng thuật ở đây chỉ dựa vào một tập sách. Hy vọng nó đã cung cấp được một cái nhìn khái quát, chúng tôi tin chắc rằng, khi đọc trực tiếp công trình này, bạn đọc gần xa sẽ được đánh thức bằng những kích hoạt mang tính sáng tạo, vì đây là một công trình mở. Nói như GS.TS. Đinh Văn Đức trong lời giới thiệu đầu sách: “... người đọc được gợi mở nhiều ý kiến để có thể tự suy nghĩ và phát triển”.